

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST

Ngày: 23/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Năm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Bé

2. Ông Nguyễn Văn Mua

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Trung Hào – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh D, sinh năm 1981 tại huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tám và bà Nguyễn Thị Tám; vợ: Nguyễn Thị Trong và 01 con sinh năm 2006; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Bà Lê Thị A, sinh năm 1934

- Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974

Đại diện theo ủy quyền của bà A là anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1974 (theo văn bản ủy quyền ngày 03/12/2018) “có mặt”

Cùng nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 “vắng mặt”

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

* Người làm chứng:

- Anh Trương Hoàng P, sinh năm 1990 “vắng mặt”

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Chị Trần Thị U, sinh năm 1972 “vắng mặt”

- Chị Thạch Thị Thanh V, sinh năm 1989 “vắng mặt”

Cùng nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 16/11/2018, Nguyễn Thanh D biết bà Lê Thị A (là mẹ vợ của D) đang nằm điều trị bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện T và anh Nguyễn Văn D (con rể bà A, ở chung nhà với bà A) đã đi ra ruộng; nhà của bà A không có người trông giữ nên Nguyễn Thanh D dùng điện thoại di động hiệu GiGi có sim 1 số 0792.171595 và sim 2 số 0388.176950 gọi cho Nguyễn Văn T để tự ý kêu bán 02 con bò của bà A và 01 con bò của anh D với giá thỏa thuận là 20.000.000 đồng (anh T không biết 03 con bò do D lén lút bán trộm mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu). D hẹn anh T đến 18 giờ cùng ngày đến bắt bò vì D biết rõ vào thời gian này sẽ không có người trông giữ nhà cho bà A.

Do trước đó, vào khoảng tháng 7 năm 2018, anh T có mua 01 con bò tại chuồng bò của bà A nên anh T biết rõ địa điểm nuôi 03 con bò mà D kêu bán. Khoảng 09 giờ cùng ngày, anh T thuê xe ô tô tải biển số 64C - 000.30 của anh Trương Hoàng Phú với giá 300.000 đồng/chuyến đi đến chuồng bò của bà A để bắt 03 con bò. Sau khi dẫn bò lên xe xong, do không gặp được D nên T điện thoại cho D để trả tiền thì được D hẹn đến gặp gần cầu Ông Trứ thuộc địa phận xã B để trả số tiền 20.000.000 đồng như đã thỏa thuận mua bán. D đã nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng rồi mang toàn bộ số tiền đi cất giấu.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, anh Nguyễn Văn D về đến nhà và phát hiện bị mất 03 con bò nên trình báo Công an xã Loan Mỹ đến lập biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, sau đó vụ án được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thụ lý.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành mời Nguyễn Thanh D làm việc. D đã thừa nhận toàn bộ hành vi lén lút bán trộm 02 con bò của bà A và 01 con bò của anh D, 03 con bò được thu hồi trả lại cho bị hại, số tiền bán bò 20.000.000 đồng được D giao nộp và trả lại cho anh T.

Căn cứ vào kết luận định giá số 215/KL.ĐGTS ngày 26/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận:

- 01 con bò cỏ màu vàng sậm, khoảng 08 tháng tuổi, nặng khoảng 50kg, trị giá 6.750.000 đồng (con bò của bà A);

- 01 con bò lai sim (Sind) khoảng 10 năm tuổi, nặng khoảng 90kg, trị giá 15.250.000 đồng (con bò của bà A);

- 01 con bò pháp nuôi khoảng 02 năm tuổi, nặng khoảng 80kg, trị giá 14.750.000 đồng (con bò của anh D);

Tổng giá trị của 03 con bò tại thời điểm mất trộm là: 36.750.000 đồng .

Vật chứng do anh Nguyễn Văn T giao nộp:

- 01 con bò màu vàng xậm khoảng 08 tháng tuổi;

- 01 con bò màu vàng khoảng 10 năm tuổi;

- 01 con bò màu kem khoảng 02 năm tuổi, bị gãy sừng bên phải;

Vật chứng do Nguyễn Thanh D giao nộp:

- Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng;

- 01 điện thoại di động màu đen, viên đỏ hiệu GiGi, số Imeil 35610601635907, số Imeil2 356180601635915, sim1 số 0792171595 và sim 2 số 0388176950.

Về xử lý vật chứng: Ngày 29/11/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành trao trả cho bị hại và đại diện theo ủy quyền của bị hại là anh Nguyễn Văn D tài sản gồm 03 con bò; trả cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T số tiền Việt Nam 20.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện theo ủy quyền của bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thuê xe chở bò (02 chuyến) là 600.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 12/CT-VKSTB ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh D thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan.

Bị hại bà Lê Thị A có anh Nguyễn Văn D làm đại diện theo ủy quyền trình bày: Về trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trách nhiệm dân sự, anh không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án là yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí thuê xe chở bò hai chuyến là 600.000 đồng. Bị cáo đồng ý theo yêu cầu của anh T.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố

đối với bị cáo Nguyễn Thanh D về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D mức án tù 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về phân trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản xong, bị hại không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T 600.000 đồng tiền thuê xe chở bò. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự đề nghị buộc bị cáo trả cho anh Nguyễn Văn T 600.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, viền đỏ hiệu GiGi, số Imeil 1 35610601635907, số Imeil2 356180601635915 kèm theo 02 sim điện thoại số 0792171595 và 0388176950.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, Biên bản hỏi cung bị can, Biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 09 giờ ngày 16/11/2018, tại ấp Đại Thọ, xã Loan Mỹ, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, Nguyễn Thanh D lợi dụng sự sơ hở của chủ quản lý tài sản đã có thủ đoạn lén lút bán trộm 03 con bò (02 con bò của bà Lê Thị A và

01 con bò của anh Nguyễn Văn D). Tổng giá trị 03 con bò mà D đã trộm là 36.750.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo D đủ sơ sở quy kết bị cáo phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Như vậy cáo trạng số 12/CT-VKSTB ngày 07/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo và lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là thanh niên, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, sẽ bị pháp luật hình sự trừng phạt. Nhưng với thái độ thích thụ hưởng, lười lao động để có tiền phục vụ tiêu xài cá nhân, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi đó thể hiện ý thức xem thường tài sản của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên việc nhận thức pháp luật còn hạn chế và hiện tại bị cáo đang mắc bệnh tai biến đang trong thời gian điều trị; tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét giảm một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ cụ thể, không có tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử lý bị cáo thấy cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và cho thấy tính nhân đạo của pháp luật nước ta.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì đối với bị cáo nên không xem xét giải quyết.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự: ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo đồng ý trả cho anh Nguyễn Văn T 600.000 đồng tiền thuê xe chở bò.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Xét trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đúng quy định của pháp luật nên không xem xét giải quyết.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu và tiêu hủy: sim điện thoại số 0792171595 và 0388176950.

+ Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, viền đỏ hiệu GiGi, số Imeil 1 35610601635907, số Imeil2 356180601635915.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2019.

[7]. Về án phí sơ thẩm:

[7.1]. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh D phải nộp án phí số tiền 200.000 đồng.

[7.2]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thanh D nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ các điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án 23/4/2019.

Giao người bị kết án Nguyễn Thanh D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không yêu cầu bồi thường gì đối với bị

cáo nên không xem xét giải quyết.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh D trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Thanh D chưa thi hành số tiền 600.000 đồng thì bị cáo D còn phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu và tiêu hủy: 02 sim điện thoại số 0792171595 và 0388176950.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu đen, viền đỏ hiệu GiGi, số Imeil 1 35610601635907, số Imeil2 356180601635915.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/3/2019.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh D nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thanh D nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lâm Văn Năm